TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1290/2019/DS-ST
Ngày: 02-10-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản, thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

2. Ông Trần Văn Triều

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 và ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2014/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2014 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3902/2019QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1939.

2. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1936.

Cùng địa chỉ: 246/63 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N: Luật sư Trương Thị H và Luật sư Phan Thành N – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trẻ Nguyễn Võ Hồng D, sinh năm 2012.

4. Trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â, sinh năm 2014.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 309A T, xã A, huyện Y, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lệ T: Luật sư Phạm Văn T – Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Bà Cao Thị N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Thị N: Luật sư Thái Văn C – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 2720 Kennedy Toronto On M2T3H9 Canada.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Thị N.

2. Ông Lý B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 18/22C T, Phường 13, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 817/2 L, Phường 10, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Lại Thanh Xuân M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 13/34 B, Phường 10, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diên hợp pháp của ông Huỳnh Ngọc P và ông Lại Thanh Xuân M: Ông Lê Văn N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 347/10A T, Phường 24, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Lâm Thị T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: 26/51 O, phường K, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ-Sản xuất E.

Địa chỉ: 282 L, Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Toàn Đ, sinh năm 1982.

7. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ O.

Địa chỉ: 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị N, sinh năm 1965.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Lại Thanh Xuân M, sinh năm 1963 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 13/34 G, Phường 10, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Thái Minh H (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 115/5/7 Đường 11, Khu phố 9, phường B, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày*:*

Ông, bà là cha mẹ của ông Nguyễn Ngọc Anh T, chết ngày 13/7/2014. Ông T chung sống có đăng ký kết hôn với bà Cao Thị N có một con chung tên Nguyễn Tuấn D. Ngoài ra, ông T chung sống không có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Lệ T có hai con chung tên Nguyễn Võ Hồng D và Nguyễn Ngọc Hồng Â.

Năm 2013, ông T nộp đơn xin ly hôn bà N tại Tòa án nhân dân Quận Q.

Ngày 14/02/2014, ông T lập di chúc để lại phần tài sản thuộc sở hữu của ông cho hai con riêng của ông là trẻ Nguyễn Võ Hồng D sinh năm 2012 và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â sinh năm 2014.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, ông T chết.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà N tạo lập được những tài sản sau đây:

1. Căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3321/2007/UB.GCN ngày 21/12/2007 của Ủy ban nhân dân Quận Q.

2. Căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1022/03 ngày 04/6/2003 của Ủy ban nhân dân Quận A, cập nhật biến động ngày 15/10/2008.

3. Căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1122/2009/UB.GCN ngày 30/3/2009 của Ủy ban nhân dân Quận U.

4. Căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 115/04 ngày 02/02/2004 của Ủy ban nhân dân Quận A.

5. Phần đất 1.547m^2 thuộc thửa 33, 34 Tờ bản đồ số 3 phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00997QSDĐ/LP ngày 17/8/1999 của Ủy ban nhân dân Quận S, cập nhật biến động ngày 15/01/2001.

Nay ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T không phụ thuộc vào nội dung di chúc đối với các tài sản nêu trên. Ông Nguyễn Ngọc H yêu cầu được nhận căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu được nhận căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông, bà đồng ý thanh toán phần giá trị chênh lệch (nếu có) cho các thừa kế khác.

Đối với các tài sản khác của ông T và bà N như: Xe ô tô hiệu Mercedes biển số 52T-4588; Xe mô tô hiệu Dream biển số 51U1-8371; Xe mô tô hiệu

Vespa biển số 51U9-5257, ông, bà rút lại không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản trên.

Đối với khoản nợ 1.831.228.820 đồng của ông Lý B, nợ gốc 700.000.000 đồng và nợ lãi của ông Huỳnh Ngọc P, nợ gốc 500.000.000 đồng và nợ lãi của ông Lại Thanh Xuân M, ông, bà đồng ý trả vì đây là nợ chung của ông Nguyễn Ngọc Anh T và bà Cao Thị N. Ông, bà đồng ý giao phần đất tại phường L, Quận S cho bà N chịu trách nhiệm đại diện trả nợ, còn lại bao nhiêu sẽ chia thừa kế theo tỉ lệ.

Đối với khoản nợ 4.135.000.000 đồng của bà Lâm Thị T, ông, bà không đồng ý trả vì đây là nợ riêng của bà Cao Thị N.

* Đồng nguyên đơn trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện theo pháp luật trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N về di sản thừa kế và người thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T. Bà yêu cầu được công nhận Di chúc ngày 14/02/2014 của ông T và yêu cầu Tòa án phân chia cho trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â nhận căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà đồng ý thanh toán giá trị chênh lệch (nếu có) cho các đồng thừa kế khác.

Đối với khoản nợ của ông Lý B, ông Huỳnh Ngọc P, ông Lại Thanh Xuân M, bà đồng ý trả vì đây là nợ chung của ông Nguyễn Ngọc Anh T và bà Cao Thị N. Bà đồng ý giao phần đất tại phường L, Quận S cho bà N chịu trách nhiệm đại diện trả nợ, còn lại bao nhiêu sẽ chia thừa kế theo tỉ lệ.

Đối với khoản nợ của bà Lâm Thị T, bà không đồng ý trả vì đây là nợ riêng của bà Cao Thị N.

* Bị đơn bà Cao Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc Anh T chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/1985 tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận A. Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T.

Bà đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N. Do đây là tài sản chung của bà với ông T nên bà yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản và đồng ý hoàn trả giá trị cho các thừa kế khác sau khi đã thanh toán xong các khoản nợ của ông T.

Đối với tờ di chúc do ông Nguyễn Ngọc Anh T lập ngày 14/02/2014, bà không đồng ý vì di chúc không được công chứng nên không hợp pháp, nội dung di chúc không đúng với ý chí của ông T.

Đối với khoản nợ của ông Lý B, ông Lại Thanh Xuân M, ông Huỳnh Ngọc P, bà không đồng ý trả vì đây là nợ riêng ông T vay mượn khi chung sống với bà Nguyễn Thị Lệ T.

Đối với khoản nợ của bà Lâm Thị T, đây là nợ chung của hai vợ chồng vay tiền bà Thảo để giải chấp căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh nên bà yêu cầu vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý B trình bày:

Ông và ông Nguyễn Ngọc Anh T có mối quan hệ mua bán vật liệu inox, ông T còn nợ ông số tiền 1.831.228.820 đồng theo hai Bảng công nợ ngày 16/11/2013 và ngày 10/12/2013 được ông T ký tên xác nhận. Nay ông yêu cầu những người thừa kế của ông T thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ 1.831.228.820 đồng nêu trên, không yêu cầu tiền lãi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc P do ông Lê Văn N làm đại diện trình bày:

Ngày 13/5/2014, ông Nguyễn Ngọc Anh T vay của ông Huỳnh Ngọc P số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 1.5%/tháng. Nay ông Huỳnh Ngọc P yêu cầu những người thừa kế của ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn và nợ lãi từ ngày 01/8/2014 đến nay theo lãi suất 1.5%/tháng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Thanh Xuân M do ông Lê Văn N làm đại diện trình bày:

Ngày 12/5/2014, ông Nguyễn Ngọc Anh T vay của ông Lại Thanh Xuân M số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1.5%/tháng. Nay ông Lại Thanh Xuân M yêu cầu những người thừa kế của ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn và nợ lãi từ ngày 01/8/2014 đến nay theo lãi suất 1.5%/tháng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị T trình bày:

Ngày 25/3/2014, bà và bà Cao Thị N ký Hợp đồng vay tiền tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 4.135.000.000 đồng, thời hạn vay 3 năm, lãi suất 0.8%/tháng. Mục đích vay tiền nhằm giải chấp căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông T và bà N đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh 2 Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH TM DV SX E. Nay bà yêu cầu những người thừa kế của ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn và nợ lãi từ ngày 26/3/2017 đến nay theo lãi suất của Ngân hàng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH TM DV SX E do ông Bùi Toàn Đ làm đại diện trình bày:

Công ty E với ông Nguyễn Ngọc Anh T và bà Cao Thị N đã trả xong khoản nợ của Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh 2 Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện công ty đang khởi kiện bà N về một khoản nợ khác là giá trị vật tư bà N lấy của công ty không có liên quan gì đến vụ án đang giải quyết. Do không có liên quan đến vụ án tranh chấp thừa kế giữa gia đình ông Nguyễn Ngọc H với bà N nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt công ty.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ O do bà Cao Thị N làm đại diện trình bày:

Công ty O có sử dụng căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh để làm kho chứa hàng. Trong vụ án này công ty không có liên quan gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Người làm chứng ông Lại Thanh Xuân M trình bày:

Ngày 19/02/2014, ông Nguyễn Ngọc Anh T đến nhà ông nhờ làm chứng di chúc. Ông đã đọc kỹ nội dung di chúc ông T để lại tài sản cho hai người con là Nguyễn Võ Hồng D và Nguyễn Ngọc Hồng Â. Ông xác nhận ông T lập di chúc trong tình trạng minh mẫn sáng suốt, tự nguyện, không bị ép buộc.

* Người làm chứng ông Thái Minh H trình bày:

Ông chứng kiến ông Nguyễn Ngọc Anh T viết di chúc tại công ty ở số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã đọc kỹ nội dung di chúc ông T để lại tài sản cho hai người con là Nguyễn Võ Hồng D và Nguyễn Ngọc Hồng Â, sau đó ông ký tên làm chứng di chúc. Ông xác nhận ông T lập di chúc trong tình trạng minh mẫn sáng suốt, tự nguyện, không bị ép buộc.

* Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc Anh T và bà Cao Thị N tạo lập được các tài sản chung gồm: Căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Phần đất 1.547m^2 tại phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T có cha là ông Nguyễn Ngọc H, mẹ là bà Nguyễn Thị Hồng N, vợ là bà Cao Thị N và con là ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D. Ông T chết lập di chúc để lại tài sản của ông cho trẻ Ân và trẻ Duyên. Nay ông Hòa, bà Nga khởi kiện yêu cầu được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc đối với các tài sản trên. Ông Hòa yêu cầu nhận căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nga yêu cầu nhận căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và đồng ý hoàn trả giá trị chênh lệch cho các thừa kế khác (nếu có) nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với các khoản nợ thì ông Hòa và bà Nga chỉ đồng ý trả nợ cho ông Lý B, ông Lại Thanh Xuân M, ông Huỳnh Ngọc P, về tiền lãi Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật. Riêng đối với nợ của bà Lâm Thị T thì ông Hòa và bà Nga không đồng ý trả vì đây là nợ riêng của bà N. Đối với các tài sản khác ông Hòa và bà Nga đã rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

* Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Về Di chúc ngày 14/02/2014 của ông Nguyễn Ngọc Anh T đã được Phân viện khoa học hình sự kết luận là chữ ký của ông T. Khi lập di chúc ông T minh mẫn, không bị đe dọa ép buộc nên có cơ sở công nhận tính hợp pháp của di chúc. Đối với khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chia thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di

chúc. Về việc nhận thừa kế bằng hiện vật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lệ T giao căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh cho trẻ Hồng Ân và Hồng Duyên. Về nghĩa vụ của ông T, bà Thủy chỉ chấp nhận khoản nợ của ông Lý B, ông Lại Thanh Xuân M, ông Huỳnh Ngọc P, riêng khoản nợ của bà Lâm Thị T, bà Thủy không chấp nhận vì đây là nợ riêng của bà N.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Thị N trình bày:

Tờ di chúc ngày 14/02/2014 của ông Nguyễn Ngọc Anh T có nội dung không phù hợp đạo đức xã hội và phong tục tập quán, về hình thức di chúc không đúng quy định pháp luật vì người làm chứng không trực tiếp chứng kiến ông T ký vào di chúc, do đó di chúc không có giá trị pháp lý. Vì vậy di sản của ông T phải được chia theo quy định pháp luật. Về khoản nợ của bà Lâm Thị T, đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân vì bà N vay tiền để giải chấp giấy tờ căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của hai vợ chồng, hiện hợp đồng vay đã tất toán xong. Về các khoản nợ khác, bà N không đồng ý vì ông T không dùng tiền vay để chi tiêu trong thời kỳ hôn nhân. Về việc chia thừa kế, đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ tài sản cho bà N và bà N sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả giá trị cho các thừa kế khác. Đối với phần đất tại Quận S là đất cấp cho hộ gia đình nên đề nghị chia 1/3 giá trị cho ông Nguyễn Tuấn D sau đó mới chia thừa kế.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử tại phiên tòa. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình.

Về nội dung: Các đương sự đồng thống nhất về hàng thừa kế và di sản thừa kế bao gồm căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q; Căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A; Căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U; Căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A; Quyền sử dụng đất 1.541,7m^2 tại phường L, Quận S. Đối với phần đất tại phường L, Quận S cấp cho hộ gia đình gồm có 03 người là ông Nguyễn Ngọc Anh T, bà Cao Thị N và ông Nguyễn Tuấn D. Căn cứ Điều 22 Bộ luật dân sự năm 1995, thời điểm cấp Giấy chứng nhận ông Duy chưa có năng lực hành vi dân sự nên hộ gia đình chỉ có 02 người là ông T và bà N. Về các khoản nợ của ông T, nhận thấy ông T vay để trả nợ tiền hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân với bà N nên cần xác định là nợ chung của vợ chồng. Đối với khoản nợ của bà Lâm Thị T, bà N vay tiền để giải chấp căn nhà 55 F là tài sản chung của ông T và bà N nên cũng cần xác định là nợ chung của vợ chồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Lý B, ông Huỳnh Ngọc P, ông Lại Thanh Xuân M, bà Lâm Thị T. Về yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, tại Bản kết luận giám định không kết

luận có phải chữ ký của ông T hay không. Căn cứ Điều 655, 656 Bộ luật dân sự năm 2005, nhận thấy di chúc vô hiệu vì không xác định được chữ ký của ông T. Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N là có cơ sở, di sản của ông T sau khi trừ nghĩa vụ trả nợ sẽ được chia đều cho 06 người thừa kế của ông T, việc chia thừa kế bằng hiện vật hay bằng giá trị do Hội đồng xét xử xem xét. Về yêu cầu chia thừa kế các tài sản khác, nguyên đơn đã rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền thụ lý:

Bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, trẻ Nguyễn Võ Hồng D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện theo pháp luật khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Ngọc Anh T. Trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tuấn D hiện cư trú tại Canada. Căn cứ Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn D đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ủy thác tư pháp thông báo về việc thụ lý vụ án và ngày, giờ đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tuấn D. Tuy nhiên, sau đó ông Nguyễn Tuấn D có văn bản ủy quyền cho bà Cao Thị N tham gia giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người làm chứng ông Thái Minh H, ông Lại Thanh Xuân M đã có lời trình bày, đồng thời xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Thái Minh H và ông Lại Thanh Xuân M.

[3] Tại phiên tòa các đương sự đồng xác nhận:

- Bà Cao Thị N không yêu cầu tính công sức quản lý, gìn giữ di sản.

- Ông Lại Thanh Xuân M và ông Huỳnh Ngọc P do ông Lê Văn N làm đại diện, bà Lâm Thị T đồng ý tính tiền lãi đối với các khoản nợ của ông Nguyễn Ngọc Anh T theo quy định pháp luật.

- Bản chính Giấy chứng nhận căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất 1.541,7m^2 tại phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Ngọc H đang giữ, không cho thuê, không thế chấp Ngân hàng hoặc cầm cố cho ai.

- Bản chính Giấy chứng nhận căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Lâm Thị T đang giữ, không cho thuê, không thế chấp Ngân hàng hoặc cầm cố cho ai.

- Thống nhất giá trị nhà, đất theo Biên bản định giá và Chứng thư thẩm định giá, không yêu cầu định giá lại.

- Thống nhất giao cho bà Cao Thị N phần đất 1.547m^2 thuộc thửa 33, 34 Tờ bản đồ số 3 phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đại diện thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Ngọc Anh T.

- Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đã tạm ứng và không yêu cầu bên kia cùng chịu.

- Nguyên đơn rút yêu cầu giải quyết đối với các tài sản sau: Xe ô tô hiệu Mercedes biển số 52T-4588; Xe mô tô hiệu Dream biển số 51U1-8371; Xe mô tô hiệu Vespa biển số 51U9-5257 và được bà Cao Thị N đồng ý.

[4] Về nội dung khởi kiện:

Ông Nguyễn Ngọc Anh T (chết ngày 13/7/2014) có cha mẹ là ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Hồng N và vợ là bà Cao Thị N. Ông T và bà N có một con chung tên Nguyễn Tuấn D, ngoài ra ông T còn có hai con riêng tên Nguyễn Võ Hồng D và Nguyễn Ngọc Hồng Â. Ngoài những người kể trên, ông T không có vợ hoặc người con nào khác. Ngày 14/02/2014, ông T lập di chúc để lại toàn bộ tài sản của ông cho hai người con Nguyễn Võ Hồng D và Nguyễn Ngọc Hồng Â.

Nay ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của ông T không phụ thuộc vào nội dung di chúc.

Bà Nguyễn Thị Lệ T là đại diện theo pháp luật của trẻ Hồng Ân và trẻ Hồng Duyên yêu cầu công nhận di chúc của ông T.

Ông Lý B, ông Huỳnh Ngọc P, ông Lại Thanh Xuân M, bà Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu các thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay ông T trước khi phân chia di sản ông T.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[5.1] Về thời hiệu thừa kế:

Ông Nguyễn Ngọc Anh T là người để lại di sản chết ngày 13/7/2014. Ngày 14/8/2014 bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, trẻ Nguyễn Võ Hồng D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện theo pháp luật nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Căn cứ Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự, xác định còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

[5.2] Về hàng thừa kế:

Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự, xác định người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Ngọc Anh T là 06 người gồm: Cha Nguyễn Ngọc H, mẹ

Nguyễn Thị Hồng N, vợ Cao Thị N, con Nguyễn Tuấn D, Nguyễn Võ Hồng D, Nguyễn Ngọc Hồng Â.

Căn cứ Điều 626 Bộ luật dân sự, xác định người thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Ngọc Anh T là trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D.

[5.3] Về di sản thừa kế:

Qua lời thừa nhận của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định những tài sản sau đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Ngọc Anh T và bà Cao Thị N:

1. Căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 11.597.538.547 đồng.

2. Căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 1.197.307.509 đồng.

3. Căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 4.357.892.792 đồng.

4. Căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 1.637.398.917 đồng.

5. Quyền sử dụng đất 1.541,7m^2 tại phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 9.713.049.892 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của ông T và bà N là 28.503.187.657 đồng, vậy phần sở hữu của ông T là 14.251.593.828 đồng, phần sở hữu của bà N là 14.251.593.828 đồng.

Từ những nhận định trên, nhận thấy khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Ngọc Anh T là có căn cứ. Tuy nhiên, trước khi phân chia di sản của ông T, cần xét đến nghĩa vụ tài sản do ông T chết để lại và tính hợp pháp của Di chúc ngày 14/02/2014 của ông T.

[6] Xét yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

[6.1] Xét yêu cầu độc lập của ông Lý B:

Căn cứ Bảng công nợ ghi ngày 16/11/2013 và Bảng công nợ ghi ngày 10/12/2013 có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Ngọc Anh T, có cơ sở xác định ông T còn nợ ông Lý B số tiền 1.831.228.820 đồng. Xét đây là khoản tiền mà ông T mua hàng của ông Lý B để hoạt động kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân với bà N nên cần xác định đây là nợ chung của vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ số nợ là 915.614.410 đồng. Hiện nay ông T đã chết nên 06 người thừa kế của ông T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện có trách nhiệm liên đới phần bằng nhau trả số nợ trên cho ông Lý B, vậy phần nghĩa vụ của mỗi

người là 152.602.401 đồng. Riêng bà N ngoài nghĩa vụ trên còn chịu thêm trách nhiệm cá nhân thanh toán số nợ 915.614.410 đồng cho ông Lý B.

Ghi nhận ông Lý B không yêu cầu về tiền lãi.

[6.2] Xét yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Ngọc P:

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 13/5/2014 có nội dung ông Nguyễn Ngọc Anh T vay của ông Huỳnh Ngọc P số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 13/5/2014 đến ngày 13/11/2014, có cơ sở xác định ông T còn nợ ông Huỳnh Ngọc P số tiền vốn 700.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi, theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Vào thời điểm vay tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm. Ông T thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng x 12 tháng = 18%/năm là vượt quá lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố nên nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại mức lãi suất là 13,5%/năm tương đương với 1,125%/tháng tính từ ngày 14/11/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 58 tháng 18 ngày.

Vậy tổng cộng vốn và lãi là: 700.000.000 đồng (gốc) x 1,125%/tháng x 58 tháng 18 ngày = 1.161.475.000 đồng.

Xét đây là khoản vay của ông T trong thời kỳ hôn nhân với bà N nhưng thực tế lúc này ông T đang chung sống với bà Nguyễn Thị Lệ T. Khoản nợ này bà N không biết, ông T không mang về chi tiêu thiết yếu cho gia đình nên không có căn cứ cho rằng bà N có liên quan đến khoản nợ này, vì vậy không thể xác định đây là nợ chung của vợ chồng mà cần buộc ông T chịu trách nhiệm cá nhân trả số nợ vốn và lãi 1.161.475.000 đồng. Hiện nay ông T đã chết nên 06 người thừa kế của ông T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện có trách nhiệm liên đới phần bằng nhau trả số nợ trên cho ông Huỳnh Ngọc P, vậy phần nghĩa vụ của mỗi người là 193.579.166 đồng.

[6.3] Xét yêu cầu độc lập của ông Lại Thanh Xuân M:

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 12/5/2014 có nội dung ông Nguyễn Ngọc Anh T vay của ông Lại Thanh Xuân M số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, không có thời hạn, có cơ sở xác định ông T còn nợ ông Lại Thanh Xuân M số tiền vốn 500.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi, theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Vào thời điểm vay tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm. Ông T thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng x 12 tháng = 18%/năm là vượt quá lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại mức lãi suất là 13,5%/năm tương đương với 1,125%/tháng.

Về thời gian chậm trả, đây là khoản vay không có thời hạn, theo quy định tại Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì thời điểm tính thời gian chậm trả đối với trường hợp vay không có kỳ hạn bắt đầu kể từ ngày tiếp theo của ngày hết "thời gian hợp lý". Do sau khi ông T chết ông Minh không yêu cầu các thừa kế của ông T trả nợ nên thời gian hợp lý được xác định từ ngày tiếp theo ngày ông Minh có đơn yêu cầu độc lập là ngày 11/5/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40 tháng 21 ngày.

Vậy tổng cộng vốn và lãi là: 500.000.000 đồng (gốc) x 1,125%/tháng x 40 tháng 21 ngày = 728.937.500 đồng.

Xét đây là khoản vay của ông T trong thời kỳ hôn nhân với bà N nhưng thực tế lúc này ông T đang chung sống với bà Nguyễn Thị Lệ T. Khoản nợ này bà N không biết, ông T không mang về chi tiêu thiết yếu cho gia đình nên không có căn cứ cho rằng bà N có liên quan đến khoản nợ này, vì vậy không thể xác định đây là nợ chung của vợ chồng mà cần buộc ông T chịu trách nhiệm cá nhân trả số nợ vốn và lãi 728.937.500 đồng. Hiện nay ông T đã chết nên những 06 thừa kế của ông T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện có trách nhiệm liên đới phần bằng nhau trả số nợ trên cho ông Lại Thanh Xuân M, vậy phần nghĩa vụ của mỗi người là 121.489.583 đồng.

[6.4] Xét yêu cầu độc lập của bà Lâm Thị T:

Căn cứ Hợp đồng vay tiền số 006182 ngày 25/3/2014 có nội dung bà Cao Thị N vay của bà Lâm Thị T số tiền 4.135.000.000 đồng, lãi suất 0.8%/tháng, thời hạn vay 03 năm kể từ ngày 25/3/2014 đến ngày 25/3/2017 thì giao dịch giữa bà Thảo và bà N là giao dịch về hợp đồng vay tiền có thời hạn.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất các bên được quyền thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Đối chiếu với trường hợp của bà Thảo thì lãi suất bà Thảo và bà N thỏa thuận là 0,8%/tháng là phù hợp. Do đó, có cơ sở chấp nhận mức lãi suất theo yêu cầu của bà Thảo là 0,8%/tháng.

Về xác định thời gian chậm trả: Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thời điểm tính thời gian chậm trả là ngày tiếp theo của ngày ghi trong thời hạn đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, theo hợp đồng vay tiền của bà Thảo với bà N thì thời hạn vay đến ngày 25/3/2017. Do đó, thời gian chậm trả được xác định từ ngày 26/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Thảo yêu cầu tính lãi từ ngày 26/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 30 tháng 06 ngày là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Vậy tổng cộng vốn và lãi là: 4.135.000.000 đồng (gốc) x 0,8%/tháng x 30 tháng 06 ngày = 5.134.016.000 đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ. Xét hợp đồng vay tiền chỉ có bà N ký tên nhưng thực tế bà N vay tiền mục đích trả nợ thay cho Công ty TNHH TM DV SX E để giải chấp giấy tờ căn nhà 55 F Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông T với bà N được dùng bảo lãnh cho Công ty E vay tiền. Hiện nay Công ty E không còn nợ Ngân hàng là do bà N vay tiền bà Thảo trả thay khoản nợ này để lấy giấy tờ nhà của vợ chồng về, bà N xuất trình chứng từ trả nợ Ngân hàng để chứng minh việc trả tiền. Hiện nay căn nhà 55 F không còn là tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty E, vậy ông T, bà N đã chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh và giấy tờ nhà đã được lấy về. Như vậy cần xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên ông T và bà N mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ gốc và lãi. Do đó, số tiền ông T và bà N mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị T là 2.567.008.000 đồng.

Do ông T đã chết nên 06 người thừa kế của ông T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện cùng có trách nhiệm liên đới phần bằng nhau trả số tiền 2.567.008.000 đồng cho bà Lâm Thị T, vậy phần nghĩa vụ của mỗi người là 427.834.666 đồng. Riêng bà Cao Thị N ngoài nghĩa vụ trên còn phải chịu thêm trách nhiệm cá nhân trả 2.567.008.000 đồng cho bà Lâm Thị T.

[7] Xét yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của trẻ Nguyễn Võ Hồng D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện theo pháp luật.

Đối với Di chúc ngày 14/02/2014 của ông Nguyễn Ngọc Anh T, đây là di chúc không có công chứng, chứng thực nhưng có hai người làm chứng. Nhận thấy ngày 14/02/2014 ông T lập di chúc, ngày 17/02/2014 người làm chứng thứ nhất ông Thái Minh H và ngày 19/02/2014 người làm chứng thứ hai ông Lại Thanh Xuân M ký tên xác nhận nội dung và tinh thần minh mẫn của ông T. Căn cứ vào thời gian làm chứng ghi trên di chúc cho thấy cả hai người làm chứng đều không trực tiếp chứng kiến ông T lập và ký vào bản di chúc, không xác nhận chữ ký của ông T. Theo quy định tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005 về di chúc bằng văn bản có người làm chứng: "Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng, những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc". Căn cứ quy định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc làm chứng di chúc của ông Thái Minh H và ông Lại Thanh Xuân M không đúng quy định pháp luật, không phù hợp với quy định tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005.

Ngoài ra, theo Kết luận giám định số 3682/C54B ngày 16/01/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh không kết luận được chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc Anh T trên tờ di chúc so với chữ ký của ông T trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở công nhận tính hợp pháp của Di chúc ngày 14/02/2014 của ông Nguyễn Ngọc Anh T. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện theo pháp luật cho trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â về việc chia thừa kế theo di chúc.

Do không công nhận Di chúc ngày 14/02/2014 của ông Nguyễn Ngọc Anh T nên di sản của ông T sẽ được chia theo pháp luật cho các thừa kế của ông T.

[8] Về việc chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phần [5.3] đã nhận định, tổng giá trị tài sản chung của ông T và bà N là 28.503.187.657 đồng, vậy phần tài sản của ông T là 14.251.593.828 đồng, phần tài sản của bà N là 14.251.593.828 đồng.

Đối với phần tài sản của ông T, sau khi trừ đi tiền nợ ông Lý B 915.614.410 đồng; Nợ ông Lại Thanh Xuân M 728.937.500 đồng; Nợ ông Huỳnh Ngọc P 1.161.475.000 đồng; Nợ bà Lâm Thị T 2.567.008.000 đồng, còn lại 8.878.558.918 đồng là di sản của ông T được chia đều cho 06 người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Ngọc Anh T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â mỗi người được chia phần bằng nhau là 1.479.759.819 đồng.

Đối với bà Cao Thị N, phần tài sản riêng của bà là 14.251.593.828 đồng cộng chung với 1.479.759.819 đồng thừa kế từ ông T nên tổng giá trị tài sản của bà N là 15.731.353.647 đồng.

Ghi nhận các thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T thống nhất giao cho bà N quyền sử dụng đất 1.541,7m^2 tại phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 9.713.049.892 đồng để đại diện thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông T như đã nêu ở trên là 5.373.034.910 đồng. Riêng bà Cao Thị N còn phải chịu thêm trách nhiệm cá nhân thanh toán cho ông Lý B số tiền 915.614.410 đồng và bà Lâm Thị T số tiền 2.567.008.000 đồng.

Vì các tài sản đang tranh chấp là tài sản chung vợ chồng, phần sở hữu của bà N chiếm ½ khối tài sản chung nên cần ưu tiên giao vật cho bà N nhiều hơn các thừa kế khác. Như vậy ngoài phần đất nêu trên bà N sẽ được nhận thêm hai tài sản là căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng giá trị ba tài sản nêu trên là 22.947.987.356 đồng. Sau khi trừ nghĩa vụ tài sản của ông T là 5.373.034.910 đồng do bà N chịu trách nhiệm đại diện thanh toán cho các chủ nợ, giá trị ba tài sản giao cho bà N còn lại 17.574.952.446 đồng. Do giá trị tài sản giao cho bà N nhiều hơn giá trị thừa kế và giá trị tài sản mà bà N được chia nên bà N phải hoàn trả lại 1.843.598.799 đồng chênh lệch.

Giao cho trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện theo pháp luật nhận căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 4.357.892.792 đồng. Do giá trị tài sản giao cho hai trẻ nhiều hơn giá trị thừa kế mà hai trẻ được chia nên bà Thủy là người đại diện theo pháp luật phải hoàn trả lại 1.398.373.154 đồng chênh lệch. Do bà N đang quản lý căn nhà này nên cần buộc bà N có trách nhiệm bàn giao nhà cho trẻ Duyên và trẻ Ân do bà Thủy làm đại diện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng N nhận căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 1.197.307.509 đồng. Vậy bà Nga được nhận thêm 282.452.310 đồng do bà Nguyễn Thị Lệ T chịu trách nhiệm thanh toán là đủ phần thừa kế của bà Nga. Do bà N đang quản lý căn nhà này nên cần buộc bà N có trách nhiệm bàn giao nhà cho bà Nga khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc H được nhận thừa kế bằng giá trị là 1.479.759.819 đồng sẽ do bà Nguyễn Thị Lệ T chịu trách nhiệm thanh toán 1.115.920.839 đồng và bà Cao Thị N chịu trách nhiệm thanh toán 363.838.980 đồng là đủ phần thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H.

Ông Nguyễn Tuấn D được nhận thừa kế bằng giá trị là 1.479.759.819 đồng sẽ do bà Cao Thị N chịu trách nhiệm thanh toán 1.479.759.819 đồng là đủ phần thừa kế của ông Nguyễn Tuấn D.

[9] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Thị N cho rằng phần đất tại Quận S là đất của hộ gia đình nên cần chia cho ông Nguyễn Tuấn D 1/3 giá trị. Hội đồng xét xử thấy rằng phần đất này có nguồn gốc do ông T nhận chuyển nhượng năm 2000, là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với bà N. Thời điểm đó ông Duy 15 tuổi không có công sức đóng góp, không phải là thành viên lao động trong gia đình và cũng không phải là trường hợp giao đất tính trên định mức nhân khẩu. Do đó, ý kiến nêu trên của luật sư không có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu công nhận di chúc của ông Nguyễn Ngọc Anh T, như trên đã nhận định khi xét khởi kiện của bà Thủy, do không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với Công ty TNHH TM DV SX E, theo ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày trước đây bà Cao Thị N lấy hàng inox của Công ty E nên bà N phải chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ bà Thảo xem như cấn trừ số hàng bà N đã lấy. Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty E trình bày đang khởi kiện bà N về khoản giá trị vật tư bà N lấy của công ty không có liên quan gì đến vụ án đang giải quyết, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[10] Đối với việc rút yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N về việc chia thừa kế xe ô tô hiệu Mercedes biển số 52T-4588; Xe mô tô hiệu Dream biển số 51U1-8371; Xe mô tô hiệu Vespa biển số 51U9-5257. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu nêu trên.

[11] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đã tạm ứng và đã thực hiện xong.

[12] Về án phí:

Do vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí. Các thừa kế phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ và án phí tương ứng với giá trị tài sản được nhận sau trừ đi nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án.

Riêng bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H thuộc diện người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi và trẻ Nguyễn Võ Hồng D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â là người dưới 16 tuổi theo quy định của Luật trẻ em nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 37, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 273, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 476, Điều 477, Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 154, Điều 429, Điều 615, Điều 623, Điều 634, Điều 650, Điều 651, Điều 658 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N về việc chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Ngọc Anh T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â về việc chia thừa kế theo Di chúc ngày 14/02/2014 của ông Nguyễn Ngọc Anh T.

Không công nhận Di chúc ngày 14/02/2014 của ông Nguyễn Ngọc Anh T.

3. Xác định tài sản chung của ông Nguyễn Ngọc Anh T và bà Nguyễn Thị N gồm: Căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất 1.541,7m^2 tại phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị tài sản chung là 28.503.187.657 đồng, mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản là 14.251.593.828 đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lý B; ông Lại Thanh Xuân M; ông Huỳnh Ngọc P; bà Lâm Thị T.

4.1. Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện có trách nhiệm liên đới phần bằng nhau trả số nợ 915.614.410 đồng cho ông Lý B.

4.2. Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện có trách nhiệm liên đới phần bằng nhau trả số nợ 728.937.500 đồng cho ông Lại Thanh Xuân M.

4.3. Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện có trách nhiệm liên đới phần bằng nhau trả số nợ 1.161.475.000 đồng cho ông Huỳnh Ngọc P.

4.4. Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â và trẻ Nguyễn Võ Hồng D do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện có trách nhiệm liên đới phần bằng nhau trả số tiền 2.567.008.000 đồng cho bà Lâm Thị T.

4.5. Buộc bà Cao Thị N ngoài nghĩa vụ chung nêu trên còn chịu thêm trách nhiệm cá nhân thanh toán cho ông Lý B số tiền 915.614.410 đồng và thanh toán cho bà Lâm Thị T số tiền 2.567.008.000 đồng.

Ghi nhận các thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Anh T thống nhất giao cho bà Cao Thị N quyền sử dụng đất 1.541,7m^2 tại phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00997/QSDĐ/LP ngày 17/8/1999 của Ủy ban nhân dân Quận S để đại diện thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Nguyễn Ngọc Anh T tổng cộng là 5.373.034.910 đồng.

Sau khi bà Cao Thị N thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả tiền cho bà Lâm Thị T, bà Lâm Thị T có trách nhiệm giao lại cho bà Cao Thị N bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3321/2007/UB.GCN ngày 21/12/2007 của Ủy ban nhân dân Quận Q cấp cho căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phân chia di sản của ông Nguyễn Ngọc Anh T là 8.878.558.918 đồng cho 06 người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Ngọc Anh T gồm bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Ngọc H, bà Cao Thị N, ông Nguyễn Tuấn D, trẻ Nguyễn Võ Hồng D, trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â mỗi người được chia phần bằng nhau là 1.479.759.819 đồng.

5.1. Giao cho bà Cao Thị N nhận các tài sản sau:

- Phần đất 1.547m^2 thuộc thửa 33, 34 Tờ bản đồ số 3 phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00997QSDĐ/LP ngày 17/8/1999 của Ủy ban nhân dân Quận S, cập nhật biến động ngày 15/01/2001.

- Căn nhà số 55 F, Phường 15, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3321/2007/UB.GCN ngày 21/12/2007 của Ủy ban nhân dân Quận Q.

- Căn nhà số 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 115/04 ngày 02/02/2004 của Ủy ban nhân dân Quận A.

Ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00997QSDĐ/LP ngày 17/8/1999 của Ủy ban nhân dân Quận S, cập nhật biến động ngày 15/01/2001 cấp cho phần đất 1.547m^2 thửa 33, 34 Tờ bản đồ số 3 phường L, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 115/04 ngày 02/02/2004 của Ủy ban nhân dân Quận A cấp cho căn nhà 170/12B H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Cao Thị N.

5.2. Giao cho trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện theo pháp luật nhận căn nhà số 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1122/2009/UB.GCN ngày 30/3/2009 của Ủy ban nhân dân Quận U.

Bà Cao Thị N có nghĩa vụ giao căn nhà 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh cho hai trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â do bà Nguyễn Thị Lệ T làm đại diện theo pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1122/2009/UB.GCN ngày 30/3/2009 của Ủy ban nhân dân Quận U cấp cho căn nhà 159 Nguyễn Chí Thanh, Phường 16, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh cho trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â do bà Nguyễn Thị Lệ T đại diện theo pháp luật.

5.3. Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng N nhận căn nhà số 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1022/03 ngày 04/6/2003 của Ủy ban nhân dân Quận A, cập nhật biến động ngày 15/10/2008.

Bà Nguyễn Thị Hồng N được nhận thêm 282.452.310 đồng do bà Nguyễn Thị Lệ T chịu trách nhiệm thanh toán là đủ phần thừa kế của bà Nga.

Bà Cao Thị N có nghĩa vụ giao căn nhà 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Hồng N khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1022/03 ngày 04/6/2003 của Ủy ban nhân dân Quận A, cập nhật biến động ngày 15/10/2008 cấp cho căn nhà 170/14 H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Hồng N.

5.4. Ông Nguyễn Ngọc H được nhận thừa kế bằng giá trị là 1.479.759.819 đồng sẽ do bà Nguyễn Thị Lệ T chịu trách nhiệm thanh toán 1.115.920.839 đồng và bà Cao Thị N chịu trách nhiệm thanh toán 363.838.980 đồng là đủ phần thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H.

5.5. Ông Nguyễn Tuấn D được nhận thừa kế bằng giá trị là 1.479.759.819 đồng sẽ do bà Cao Thị N chịu trách nhiệm thanh toán 1.479.759.819 đồng là đủ phần thừa kế của ông Nguyễn Tuấn D.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền, các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập trọn quyền sở hữu đối với tài sản được giao.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng N về việc chia thừa kế xe ô tô hiệu Mercedes biển số 52T-4588; Xe mô tô hiệu Dream biển số 51U1-8371; Xe mô tô hiệu Vespa biển số 51U9-5257.

7. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chịu các chi phí tố tụng và đã thực hiện xong.

8. Về án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại 23.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 07463 ngày 12/9/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Hồng N được miễn án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại 23.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 07464 ngày 12/9/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trẻ Nguyễn Võ Hồng D và trẻ Nguyễn Ngọc Hồng Â được miễn án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại 51.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 07480 ngày 15/9/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (người nộp Nguyễn Thị Lệ T).

- Bà Cao Thị N chịu 232.626.859 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Tuấn D chịu 95.257.968 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Lý B 38.737.758 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 02708 ngày 15/4/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả ông Huỳnh Ngọc P 19.965.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 02902 ngày 06/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả ông Lại Thanh Xuân M 15.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 02905 ngày 07/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả bà Lâm Thị T 56.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0047498 ngày 22/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Ông Nguyễn Tuấn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên